

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Giáo dục chính trị (CĐT, ĐĐT, TĐH, ĐCN, KXD, KTD, QTD, LGT, QNH, QDL, QKS, QLH, TCD, CNL, KML, LĐL, VSL, NNA, KLB)	0714001981	Trắc nghiệm	60 phút	X		
2	Pháp luật (CĐT, ĐĐT, TĐH, ĐCN, KXD, KTD, LGT, QNH,QTD, QKS,TCD,CNL, KML, LĐL,VSL,NNA,KLB)	0714001982	Trắc nghiệm	60 phút		X	
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Giáo dục chính trị (CNÔ)	0211001967	Tự luận	90 phút	X		
2020 CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO (C3)							
1	Giáo dục chính trị (CNÔ)	0201001967	Tự luận	90 phút	X		
2020 CAO ĐẲNG SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Pháp luật (CNÔ)	0220002396	Tự luận	90 phút	X		
2020 CAO ĐẲNG TTTN NHẬT (C6)							
1	Giáo dục chính trị (CNÔ)	0221001967	Tự luận	90 phút	X		

K. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2021

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: KHOA HỌC CƠ BẢN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2018 TRUNG CẤP (T4)							
1	Toán 6 (CNÔ; CNM, TCD; KTD, QTD, KXD, NNA, CCK, CKC, ANM, CĐT, THU, TKW, CMT, LTM, TKĐ, ĐCN, ĐĐT, KML, VSL)	0714001619	Tự luận	90'		X	
2	Hóa học 4 (ANM, CĐT, THU, TKW, CMT, LTM, QTM, TKĐ, ĐCN, ĐĐT, KML, VLS, CNÔ, CNM, TCD, KTD, QTD, NNA, CCK, CKC, KXD)	0714001618	Tự luận	90		X	
3	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh (NNA)	0714001707	Thực hành				
4	Tiếng Anh Điện thoại (NNA)	0714001709	Trắc nghiệm	60		X	
5	Tiếng Hoa (NNA)	0714002240	Trắc nghiệm	60		X	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hóa học 2 (CĐT, ĐĐT, ĐCN, KML, LĐL, VSL, CCK, CKC, CNÔ, ANM, CMT, LTM, QTM, THU, TKW, TMĐ, CNM, KTD, QTD, LGT, TCD, NNA, KXD)	0714001611	Tự luận	90		X	
2	Ngữ văn 4 (CĐT, ĐĐT, ĐCN, KML, LĐL, VSL, CCK, CKC, CNÔ, ANM, CMT, LTM, QTM, THU, TKĐ, TKW, TMĐ, CNM, KTD, QTD, LGT, TCD, NNA, KXD)	0714001614	Tự luận	90		X	
3	Nói 2 (NNA)	0714002364	Vấn đáp	120		X	
4	Toán 4 (CĐ, ĐĐT, ĐCN, KML, LĐL, VSL, CCK, CKC, CNÔ, ANM, CMT, LTM, QTM, THU, TKĐ, TKW, TMĐ, CNM, KTD, QTD, LGT, TCD, NNA, KXD)	0714001612	Tự luận	90'		X	
5	Vật lý 3 (CĐ, ĐĐT, ĐCN, KML, LĐL, VSL, CCK, CKC, CNÔ, ANM, CMT, LTM, QTM, THU, TKĐ, TKW, TMĐ, CNM, KTD, QTD, LGT, TCD, NNA, KXD)	0714001613	Tự luận	90'		X	
6	Viết (NNA)	0714001698	Tự luận	60		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Địa Lý 1 (QDL, QLH)	0714002540	Tự luận	90'		X	
2	Ngữ pháp Tiếng Anh 2 (NNA)	0714002557	Trắc nghiệm	60		X	
3	Ngữ Văn 2 (CĐT, ĐĐT, TĐH, ĐCN, CNÔ, KXD, CKL, CKC, CCK, ANM, CMT, ĐHĐ, LTM, QTM, TKĐ, TKW, TMĐ, THU, CNM, KTD, LGT, QNH, QTD, QKS, TCD, CNL, KML, VSL, NNA, KLB)	0714000479	Tự luận	90		X	
4	Ngữ Văn 2 (QDL, QLH)	0714002542	Tự luận	90		X	
5	Toán 2 (CĐT, ĐĐT, TĐH, ĐCN, CNÔ, KXD, CKL, CKC, CCK, ANM, CMT, ĐHĐ, LTM, QTM, TKĐ, TKW, TMĐ, THU, CNM, KTD, LGT, QNH, QTD, QKS, TCD, CNL, KML, VSL, NNA, KLB)	0714001349	Tự luận	90'		X	
6	Toán 2 (QDL, QLH)	0714002539	Tự luận	90'		X	
7	Vật Lý 1 (CĐT, ĐĐT, ĐCN, TĐH, CNÔ, KXD, CKL, CKC, CCK, ANM, CMT, ĐHĐ, LTM, QTM, TKĐ, TKW, TMĐ, THU, CNM, KTD, LGT, QNH, QTD, QKS, TCD, CNL, KML, VSL, LĐL, NNA, KLB)	0714000453	Trắc nghiệm	60'		X	
8	Vật Lý 1 (QDL, QLH)	0714002541	Tự luận	90'		X	
2018 TRUNG CẤP (T7)							
1	Toán 6	0717001619	Tự luận	90'		X	
2	Hóa học 4	0717001618	Tự luận	90'		X	
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Tiếng Anh 1 (CNÔ)	0211002027	Trắc nghiệm	60		X	
2	Tiếng Anh 2 (CNÔ)	0211002254	Trắc nghiệm	60		X	
3	Tiếng Anh 3 (CNÔ)	0211002259	Trắc nghiệm	90		X	
2020 CAO ĐẲNG SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Tiếng Anh 1 (CNÔ)	0220002027	Trắc nghiệm	60		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2	Tiếng Anh 2 (CNÔ)	0220002254	Trắc nghiệm	60		X	
3	Tiếng Anh 3 (CNÔ)	0220002259	Trắc nghiệm	90		X	
4	Tiếng Anh 4 (CNÔ)	0220002495	Trắc nghiệm	60		X	



KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2021

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: ĐIỆN - ĐIỆN TỬ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2018 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐĐT)	0714001678	Tự luận	90		X	
2	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0714001688	Tự luận	90		X	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Trang bị điện (ĐĐT)	0714001683	Tự luận	90		X	
2	Cung cấp điện (ĐCN)	0714001076	Tự luận	90		X	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Mạch điện (CĐT, ĐĐT, ĐCN)	0714001070	Tự luận	90		X	
2	Máy điện (TĐH)	0714002072	Tự luận	90		X	
2018 TRUNG CẤP (T7)							
1	Kỹ thuật lắp đặt điện (ĐCN)	0717001688	Tự luận	90		X	

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: NHIỆT - LẠNH

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2018 TRUNG CẤP (T4)							
1	Điều hòa không khí ô tô (KML,VSL)	0714001877	Thực hành	60			
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	CAD ứng dụng chuyên ngành (KML, LĐL)	0714002207	Thực hành				
2	Kỹ thuật điều hòa không khí (VSL)	0714001656	Trắc nghiệm	60		x	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Cơ sở kỹ thuật Điện - Điện tử (CNL, KML, LĐL, VSL)	0714002205	Trắc nghiệm	60		x	
2	Cơ sở kỹ thuật lạnh (CNL, KML, LĐL, VSL)	0714002204	Tự luận	90	x		

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: CƠ KHÍ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2018 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kỹ thuật chế tạo 2 (CKC)	0714001882	Trắc nghiệm	60'		X	
2	Máy cắt kim loại (CCK)	0714001652	Tự luận	90'		X	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Vật liệu học (CCK, CKC)	0714002299	Tự luận	90'		X	
2	Dung sai - Vẽ kỹ thuật (CNÔ)	0714002301	Tự luận	120'		X	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Vẽ kỹ thuật (CCK,CKC,CKL)	0714001350	Tự luận	120'		X	
2020 CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO (C3)							
1	Cơ lý thuyết (CNÔ)	0201000024	Tự luận	90'	X		
2020 CAO ĐẲNG SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Vật liệu kỹ thuật (CNÔ)	0220002545	Tự luận	90'		X	
2020 CAO ĐẲNG TTTN NHẬT (C6)							
1	Cơ lý thuyết (CNÔ)	0221000024	Tự luận	90'	X		

KT. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Đinh Văn Đệ

**DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021**
Khoa: ĐỘNG LỰC

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2018 TRUNG CẤP (T4)							
1	Lý thuyết gầm Ôtô (CNÔ)	0714001629	Trắc nghiệm	60		X	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Động cơ đốt trong (CNÔ)	0714002075	Trắc nghiệm	60		X	
2019 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2B)							
1	Khí xả và vấn đề ô nhiễm môi trường	0204000069	Tiểu luận				
2	Quản lý dịch vụ ô tô	0204000135	Tiểu luận				
2020 CAO ĐẲNG (C1)							
1	Hệ thống điện và điện tử ô tô (CNÔ)	0211001473	Trắc nghiệm	60		X	
2020 CAO ĐẲNG CHẤT LƯỢNG CAO (C3)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả (CNÔ)	0201002189	Tiểu luận				
2	Hệ thống điện và điện tử ô tô (CNÔ)	0201001473	Trắc nghiệm	60		X	
2020 CAO ĐẲNG SONG HÀNH VINFAST (C5)							
1	Hệ thống cung cấp nhiên liệu	0220002548	Trắc nghiệm	60		X	
2	Hệ thống truyền lực	0220002547	Trắc nghiệm	60		X	
3	Kỹ thuật điện – điện tử	0220002544	Trắc nghiệm	60		X	
4	Thủy khí	0220002550	Trắc nghiệm	60		X	
2020 CAO ĐẲNG TTTN NHẬT (C6)							
1	Bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả	0221002189	Tiểu luận				
2	Hệ thống điện và điện tử ô tô	0221001473	Trắc nghiệm	60		X	

CHỖ HIỆU TRƯỞNG
CHỖ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: MAY - THỜI TRANG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	May trang phục 2 (CNM)	0714001714	Thi thực hành	270		x	
2	Thiết kế mẫu trên máy tính (CNM)	0714002126	Tự luận trên máy tính	90		x	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn lao động (CNM)	0714001056	Trắc nghiệm	60		x	
2	Mỹ thuật trang phục (CNM)	0714002078	Tự luận	120		x	
3	Thương phẩm và an toàn thực phẩm (KLB)	0714002527	Tự luận	90		x	
2019 CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG (C2B)							
1	Quản lý đơn hàng	0204000136	Tự luận	90		x	

KT. HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2018 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn hệ thống mạng máy tính (ANM)	0714001755	Trên máy tính	90'		X	
2	An toàn mạng trên Cisco (ANM)	0714001896	Trên máy tính	90'		X	
3	Công nghệ mạng không dây (CMT)	0714001766	Tự luận	90'		X	
4	Công nghệ và dịch vụ web (TKW)	0714001778	Trên máy tính	120'	X		
5	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (ANM, QTM)	0714001741	Trên máy tính	90'	X		
6	Lập trình Cơ sở dữ liệu (LTM)	0714001745	Trên máy tính	120'	X		
7	Lập trình PHP (LTM)	0714001748	Tiểu luận				
8	Lập trình PHP (TKW)	0714001777	Tiểu luận				
9	Photoshop (CMT)	0714001742	Trên máy tính	90'		X	
10	Quản trị hệ thống mail server (QTM)	0714001757	Trên máy tính	90'		X	
11	Quản trị mạng trên Linux (QTM)	0714001750	Trên máy tính	90'		X	
12	Sửa chữa thiết bị ngoại vi (CMT)	0714001767	Tự luận	90'		X	
13	Xử lý sự cố phần mềm (CMT)	0714001769	Tự luận	90'		X	
14	Xử lý văn bản và bảng tính nâng cao (THU)	0714001774	Tiểu luận				
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (THU)	0714002076	Trên máy tính	90'	X		
2	Kỹ thuật hack (ANM)	0714001894	Trên máy tính	90'		X	
3	Lập trình hướng đối tượng (LTM, TKW)	0714002308	Trên máy tính	120'	X		
4	Lập trình Windows (LTM, THU, TKW)	0714001770	Trên máy tính	120'	X		
5	Mạng máy tính và Internet (TMĐ)	0714001801	Trắc nghiệm Online	60'		X	
6	Photoshop nâng cao (THU)	0714002094	Tiểu luận				
7	Quay phim - chụp ảnh KTS (TKĐ)	0714001886	Tiểu luận				

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
8	Sửa chữa máy tính (CMT)	0714001763	Tự luận	90'		X	
9	Thiết kế giao diện web với Photoshop (ANM, CMT, QTM)	0714002195	Trên máy tính	90'		X	
10	Thiết kế web nâng cao (TKĐ)	0714001887	Tiểu luận				
11	Thiết lập hệ thống mạng (ANM, CMT, QTM)	0714000153	Trên máy tính	90'		X	
12	Tin học (CĐT, ĐCN, KML, LĐL, VSL, CCK, CKC, CNÔ, CNM, KTD, QTD, LGT, TCD, NNA, KXD)	0714002070	Trên máy tính	90'		X	
13	Ý tưởng sáng tạo (TKĐ)	0714002314	Tiểu luận				
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (LTM, TKW, TMĐ)	0714002076	Trên máy tính	90'	X		
2	Kỹ thuật lập trình 1 (ANM, CMT, ĐHĐ, LTM, QTM, TKW, THU)	0714001067	Tự luận	90'		X	
3	Mỹ thuật cơ bản (ĐHĐ)	0714001883	Tiểu luận				
4	Phần cứng máy tính (ANM, CMT, QTM)	0714001355	Tự luận	90'		X	
5	Phần cứng và mạng máy tính (THU)	0714001356	Trắc nghiệm Online	60'		X	
6	Thiết kế đồ họa với Illustrator (TKĐ)	0714001828	Tiểu luận				
7	Tin học (ANM, CMT, ĐHĐ, LTM, QTM, TKĐ, TKW, TMĐ, THU)	0714002070	Trên máy tính	90'		X	
8	Xử lý âm thanh (ĐHĐ)	0714001813	Tiểu luận				
9	Xử lý ảnh với Photoshop (TKĐ)	0714001827	Trên máy tính	90'		X	
2018 TRUNG CẤP (T7)							
1	Tin học	0717001199	Trên máy tính	90'		X	

KHIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2021

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: KINH TẾ

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2018 TRUNG CẤP (T4)							
1	Kế toán thuế (KTD)	0714001738	Trắc nghiệm	60		X	
2	Kinh tế vi mô (KTD)	0714001721	Trắc nghiệm	60		X	
3	Phân tích báo cáo tài chính (TCD)	0714001906	Tự luận	90	X		
4	Quản trị rủi ro tài chính (TCD)	0714001905	Tự luận	90		X	
5	Quản trị tác nghiệp (QTD)	0714001729	Tự luận	90		X	
6	Quản trị văn phòng (QTD)	0714001728	Trắc nghiệm	60		X	
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	Bao bì - Đóng gói hàng hóa (LGT)	0714002351	Tự luận	90		X	
2	Kế toán doanh nghiệp (QTD, TCD)	0714001723	Trắc nghiệm	60		X	
3	Kế toán doanh nghiệp 2 (KTD)	0714002229	Tự luận	90		X	
4	Kế toán hành chính sự nghiệp (KTD)	0714002338	Tự luận	60		X	
5	Marketing căn bản (QTD)	0714001100	Tự luận	60	X		
6	Marketing điện tử (TMĐ)	0714002323	Tự luận	60	X		
7	Nghiệp vụ vận tải, giao nhận và bảo hiểm trong thương mại điện tử (TMĐ)	0714002035	Tự luận	90		X	
8	Quản trị xuất nhập khẩu (LGT)	0714002047	Tự luận	90		X	
9	Tài chính doanh nghiệp 2 (TCD)	0714001901	Tự luận	90		X	
10	Thuế (KTD)	0714002242	Tự luận	90		X	
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Dịch vụ chăm sóc khách hàng (QKS)	0714002530	Tự luận	60		X	
2	Giao tiếp trong du lịch (QNH, QKS, QLH)	0714002529	Trắc nghiệm	60		X	
3	Kỹ thuật nghiệp vụ thương mại (TMĐ)	0714002077	Tự luận	90		X	
4	Kỹ thuật trang điểm, cắm hoa (QNH)	0714002537	Thực hành	90	X		
5	Luật kinh tế (TCD)	0714002082	Tự luận	60		X	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
6	Marketing du lịch MICE (QDL)	0714002535	Tự luận	90		X	
7	Nghiệp vụ thanh toán (QDL, QKS)	0714002528	Tự luận	90		X	
8	Nguyên lý kế toán (KTD)	0714002022	Trắc nghiệm	60		X	
9	Quản trị kho hàng (LGT)	0714002235	Tự luận	90		X	
10	Quản trị văn phòng (QTD)	0714001728	Trắc nghiệm	60		X	
11	Soạn thảo văn bản (KTD)	0714002080	Trắc nghiệm	60		X	
12	Thủ tục xuất nhập cảnh (QLH)	0714002533	Trắc nghiệm	60		X	
13	Thương mại điện tử (TCD)	0714002083	Tự luận trên máy tính	60		X	
14	Tiến trình lịch sử Việt Nam (QLH)	0714002532	Tự luận	90	X		
15	Tổ chức sự kiện (QDL)	0714002534	Tự luận	60		X	
16	Văn hóa ẩm thực (QNH)	0714002536	Tự luận	60		X	

K. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 TS. Đinh Văn Đệ

DANH SÁCH CÁC MÔN HỌC VÀ HÌNH THỨC THI
KẾT THÚC MÔN HỌC - HỌC KỲ 2/2020 - 2021
Khoa: XÂY DỰNG

TT	Tên học phần	Mã học phần	Hình thức thi	Thời gian thi	Sử dụng tài liệu		Loại môn học
					Được	Không được	
2018 TRUNG CẤP (T4)							
1	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD)	0714002104	Tự luận	90	x		
2	Kỹ thuật thi công (KXD)	0714002382	Tự luận	90	x		
2019 TRUNG CẤP (T4)							
1	An toàn lao động (KXD)	0714001820	Trắc nghiệm	60	x		
2	Cơ học xây dựng (KXD)	0714002099	Tự luận	90		x	
3	Hệ thống điện, nước và thiết bị chống sét (KXD)	0714002104	Tự luận	90	x		
2020 TRUNG CẤP (T4)							
1	Trắc địa đại cương (KXD)	0714002088	Trắc nghiệm	60	x		

KI. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Đinh Văn Đệ